

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 17 -3 - 2022
V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trà Thị Thanh Thắm;**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thu Hà**

Bà Ngô Thị Bích Khuyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1990.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có thực hiện đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình sống chung do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến nay xét thấy không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung, Lê Văn Phú Q, sinh ngày 19/9/2012; Lê Văn Phú L, sinh ngày 26/9/2014, sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng/1 cháu, hai cháu 1.000.000 đồng (*Một triệu*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị S kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Anh thừa nhận thời gian khoảng trước tết nguyên đán năm 2022 anh và chị S có xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị S dẫn hai con chung về xã T sinh sống cho đến nay, anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên anh không thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị S.

Về con chung: Anh và chị S có hai con chung như chị S đã trình bày là đúng, hiện nay con chung đang được chị S nuôi dưỡng, các con chung đang đi học tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, nếu ly hôn anh thống nhất giao hai con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị S (mỗi tháng 500.000 đồng/1 cháu, hai cháu 1.000.000 đồng (*Một triệu*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, do các đương sự đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Lê Văn H;

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt, vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị S, anh Lê Văn H có tại hồ sơ vụ án thì anh H, chị S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2011. Trong quá trình chung sống giữa anh, chị có phát sinh mâu thuẫn, vấn đề này đã được bị đơn anh H thừa nhận tại Bản tự khai ngày 16/02/2022. Vì vậy, chị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn H không đồng ý hôn với chị S vì anh cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị S chưa đến mức độ trầm trọng dẫn đến phải ly hôn nhưng anh thừa nhận giữa anh và chị S có xảy ra mâu thuẫn, từ đầu năm 2022 đến nay, chị S bỏ đi nên hai người không còn sống chung với nhau nữa. Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước tại Ban chấp hành phụ nữ xã T thì từ trước đến nay Ban chấp hành phụ nữ xã T chưa nhận được báo cáo hay thông tin gì về mâu thuẫn gia đình liên quan đến vợ chồng anh H, chị S. Đồng thời, theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Lê Văn H là phù hợp.

[3] Về con chung: Theo Biên bản hòa giải ngày 17/02/2022, Bản tự khai ngày 16/02/2022 bị đơn anh Lê Văn H thống nhất thỏa thuận giao hai con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S mỗi tháng 1.000.000đồng/ 2 cháu (mỗi cháu 500.000 đồng)/1 tháng, nguyên đơn chị S giữ nguyên yêu cầu giải quyết về con chung, mức cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lê Văn H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S, xử cho chị S được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về con chung, chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung, Lê Văn Phú Q, sinh ngày 19/9/2012; Lê Văn Phú L, sinh ngày 26/9/2014 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S mỗi tháng 1.000.000 đồng/2 cháu (Mỗi cháu 500.000 đồng/1 tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 3 năm 2022.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng (*hàng tháng*), hàng tháng anh Lê Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0008607 lập ngày 13 tháng 01 năm 2022. Chị S đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Lê Văn H phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên T, huyện T Phước.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Trà Thị Thanh Thắm**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Sơn, huyện T Phước.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trà Thị Thanh Thắm